

Bản án số: **56/2023/DS-ST**
Ngày 12 - 9 - 2023
V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Văn Bút

+ Bà Lê Thị Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Mạnh; chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 14/6/2023, Quyết định tạm đình chỉ số 37/2023/QĐST-DS ngày 22/6/2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 63/2023/QĐST-DS ngày 17/8/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Liên H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: 452/4 Lê D, tổ 03, phường Chính G, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- **Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Liên H có:** Bà Đặng Thị Kim Th, sinh năm 1997; địa chỉ: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (*Văn bản ủy quyền lập ngày 15/12/2021*); có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Liên H có:** Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 14, phường B, quận H, tp Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Phước Th**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà **Nguyễn Thị Thanh M**, sinh năm 1967 ; nơi cư trú: Tổ 3, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Minh S**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Hẻm 15/3 kiệt 141, đường Trần Xuân L, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Như Ph**, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Phú H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Như Ph1**, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Phú H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đặng Thị Kim Th trình bày:*

Nguyên trước đây, bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1932) tạo lập được khối tài sản gồm nhà và đất tại thửa số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), có diện tích 988 m², tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 032786, vào sổ CH 01713, ngày 07/5/2012.

Ngày 19/11/2012, bà X đến UBND xã H lập 01 bản di chúc. Tuy nhiên, bản di chúc này không hợp pháp. Đến năm 2013, bà X chết.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm: Cha mẹ của bà X là cụ ông Nguyễn Thế Đ (sinh năm 1887, chết năm 1957) và cụ bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1909, chết năm 1987), chồng bà X là ông Nguyễn Viết H (sinh năm 1929, chết năm 1993) và 05 người con của bà X là: Bà Nguyễn Thị Liên H, ông Nguyễn Viết V (sinh năm 1965, chết năm 2012), bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S và bà Nguyễn Thị Phước Th. Tuy nhiên, ông bà ngoại, cha bà H và em trai bà đều đã chết. Vì em trai bà H chết trước bà X nên 02 người con của em trai bà H là Nguyễn Thị Như Ph và Nguyễn Thị Như Ph1 là hàng thừa kế thế vị của ông V. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của mẹ bà H hiện nay còn lại gồm:

1. Nguyễn Thị Liên H;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh M;
3. Bà Nguyễn Thị Minh S;
4. Bà Nguyễn Thị Phước Th.
5. Chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 (hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Viết V).

Sau khi mẹ bà H chết thì bà Nguyễn Thị Phước Th (đi tu từ năm 2001) quay trở về nhà tại thửa số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để sinh sống.

Năm 2017, Nhà nước có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến đường ĐH2. Khi đó, thửa đất của mẹ bà H để lại bị thu hồi 118.9 m² theo Quyết định thu hồi đất số 2849/QĐ-UBND ngày 28/11/2017. Do đó, diện tích đất còn lại của gia đình bà H là 869,1m². Nhà nước có bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà X 01 lô đất đường 5.5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng với số tiền là 203.363.680 đồng.

Đầu năm 2021, gia đình bà H thống nhất với nhau sẽ chia khối di sản thừa kế mà mẹ là bà X để lại và bà H sẽ đại diện để đứng ra nhận tiền bồi thường và đất tái định cư. Tuy nhiên, bà Th không đồng ý, với lý do bà Th cho rằng phần diện tích đất còn lại là 869,1m² tại thửa số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thì bà Th sẽ sử dụng để xây chùa chứ không phân chia và nếu các đồng thừa kế còn lại đồng ý thì bà mới ký vào biên bản cho bà H đại diện nhận tiền bồi thường và đất tái định cư.

Tháng 6/2021, bà H làm đơn đề nghị giải quyết chia di sản của mẹ để lại tại UBND xã H với bà Th. Tuy nhiên, kết quả hòa giải không thành do các bên không thống nhất được phương án chia di sản thừa kế.

Thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), có diện tích 988m² (hiện nay diện tích đất còn lại là 869,1m²) tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 032786, số vào sổ CH 01713, ngày 07/5/2012 là di sản thừa kế mà bà Nguyễn Thị X để lại mà chưa được phân chia; cùng với đó, số tiền bồi thường, hỗ trợ là 203.363.680 đồng và 01 lô đất được bố trí tái định cư đường 5.5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cũng thuộc di sản thừa kế mà bà X để lại. Do đó, bà H nhận thấy việc mà bà Nguyễn Thị Phước Th yêu cầu để khối di sản trên để làm chùa là trái với ý muốn của mẹ bà và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích đại hợp pháp của các đồng thừa kế còn lại.

Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế mà bà Nguyễn Thị X để lại theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Nhà và đất tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), diện tích đất còn lại là 869.1m² tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 032786, số vào sổ CH 01713, ngày 07/5/2012. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thực tế thì thửa 756 nói trên còn lại 888,3 m², sau khi trừ diện tích bị thu hồi 118,9 m² thì diện tích giảm 99,7 m². Như vậy, diện tích thực tế bà H yêu cầu Tòa án chia thừa kế là 769,4m² (888,3m² - 118,9 m²), trong đó có 736,4m² đất ở và 33 m² đất trồng cây hàng năm khác, tương ứng với mỗi kỹ phần thừa kế được nhận là 153,88 m² (147,28 m² và 5,5 m² đất trồng cây hàng năm khác).

- Số tiền hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất (118.9m²) bị thu hồi của thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Quyết định về việc thu hồi đất số 2849/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H là 203.363.680 đồng. Theo đó, bà H yêu cầu chia số tiền trên thành 05 phần bằng nhau, số tiền bà H yêu cầu được nhận là 40.672.736 đồng.

- 01 lô đất tái định cư đường 5.5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng chia thành 05 phần bằng nhau. Tuy nhiên, ngày 24/3/2023, bà H rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do chưa có đất trên thực tế.

Bà H thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản.

** Tại bản tự khai ngày 21/12/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Phước Th trình bày:*

Bà Th thống nhất với lời trình bày của đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Liên H về hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị X, về thời điểm bà X và ông V chết và di sản thừa kế của bà X để lại.

Việc bà H làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế mà bà Nguyễn Thị X để lại theo quy định của pháp luật, bao gồm: Nhà và đất tại thửa đất số 756 tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thành 05 phần bằng nhau; đồng thời việc bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất (118.9m²) bị thu hồi của thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng là 203.363.680 đồng thì bà Th đồng ý theo yêu cầu của bà Hoà và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với, việc ngày 24/3/2023, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà X đối với thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do chưa có đất trên thực tế thì bà Th thống nhất không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bà Th thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản. Đồng thời, bà Th đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của bà X để lại theo quy định pháp luật.

** Tại văn bản trình ý kiến ngày 18/8/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S cùng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S thống nhất với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Liên H cũng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ngày 24/3/2023, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của Xuân đối với thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do chưa có đất trên thực tế thì bà M, bà S thống nhất không có ý kiến gì.

** Tại bản tự khai ngày 20/8/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Như Ph, chị Nguyễn Thị Như Ph1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Liên H, cũng như kết quả xem xét thẩm

định tại chỗ, kết quả đo đạc và kết quả thẩm định giá tài sản và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ngày 24/3/2023, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà X đối với thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do chưa có đất trên thực tế thì chị Ph và chị Ph1 thống nhất không có ý kiến gì.

Về chi phí tố tụng gồm chi phí định giá tài sản 02 (Hai) lần là 52.000.000 đồng, chi phí xem xét tại chỗ và chi phí đo đạc 5.300.000 đồng, tổng cộng 57.300.000 đồng. Số tiền này, bà H đã nộp tạm trước (đã chi xong), các đồng thừa kế đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Liên H trình bày ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và thành phần HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên H về việc tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của bà Nguyễn Thị X để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ngày 19/11/2012, bà Nguyễn Thị X đến UBND xã H, huyện H lập di chúc để lại di sản thừa kế cho các con và các cháu của bà X. Mặc dù, di chúc này thể hiện ý chí tự nguyện của bà X về việc định đoạt tài sản và được UBND xã H chứng thực theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, di chúc này không thể thực hiện được sau khi bà X chết vào năm 2013, do nội dung di chúc không thể hiện rõ vị trí, tư cận cụ thể của các kỹ phần được nhận thừa kế và các đồng thừa kế có tranh chấp.

Về nội dung:

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Năm 2013 bà Nguyễn Thị X chết, ngày 11/10/2021, bà Nguyễn Thị Liên H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Nguyễn Thị X để lại. Tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản...kể từ thời điểm mở thừa kế...”. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H đối với di sản của bà Nguyễn Thị X để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Ngày 24 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do chưa có đất trên

thực tế. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và được các đương sự khác đồng ý, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Về hàng thừa kế:

Bà Nguyễn Thị X chết năm 2013. Hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm: Cha mẹ của bà X là cụ ông Nguyễn Thế Đ (sinh năm 1887, chết năm 1957) và cụ bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1909, chết năm 1987), chồng bà X là ông Nguyễn Việt H (sinh năm 1929, chết năm 1993) và 05 người con của bà X là: Bà Nguyễn Thị Liên H, ông Nguyễn Việt V (sinh năm 1965, chết năm 2012), bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S và bà Nguyễn Thị Phước Th. Tuy nhiên, ông bà ngoại, cha bà H và em trai bà đều đã chết. Vì em trai bà H chết trước bà X nên 02 người con của em trai bà H là Nguyễn Thị Như Ph và Nguyễn Thị Như Ph1 là hàng thừa kế thế vị của ông V. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của mẹ bà H hiện nay còn lại gồm:

1. Nguyễn Thị Liên H;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh M;
3. Bà Nguyễn Thị Minh S;
4. Bà Nguyễn Thị Phước Th
5. Chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 (hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Việt V).

[5] Về xác định di sản thừa kế và chia thừa kế:

[5.1] *Về xác định di sản thừa kế:* Tại phiên toà, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị X thống nhất xác nhận sau khi trừ phần di sản thừa kế là thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do hiện nay chưa có đất trên thực tế thì di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X còn lại là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền trên đất tại thửa số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, cộng với số tiền hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất ($118.9m^2$) bị thu hồi của thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), theo Quyết định về việc thu hồi đất số 2849/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H là 203.363.680 đồng.

[5.2] *Xét yêu cầu chia thừa kế nhà và đất tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN) của nguyên đơn thì thấy:*

[5.2.1] Diện tích thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 032786, vào sổ CH 01713, ngày 07/5/2012 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ bà Nguyễn Thị X là $988 m^2$ ($955,0 m^2$ đất ở, $33 m^2$ đất trồng cây hàng năm khác). Ngày 28/11/2017, UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 2849/QĐ-UBND thu hồi hộ bà Nguyễn Thị X diện tích $118,9 m^2$ đất ở để thực hiện dự án tuyến đường ĐH2 (từ H đi Hoà Sơn). Do đó, diện tích đất còn lại của gia đình bà X là $869,1m^2$ ($836,1 m^2$ đất ở, $33 m^2$ đất trồng cây hàng năm khác) nhưng diện tích đo đạc thực tế do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo đạc được của hộ bà Nguyễn Thị X là $888,3m^2$, sau khi trừ diện tích bị thu hồi $118,9 m^2$ thì diện tích đo đạc thực tế giảm $99,7 m^2$. Vị trí thửa đất có tứ cận: Đông giáp đất của ông Xuyên và nhà đất bà Th; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường

ĐH2; Bắc giáp đường kiệt bê tông. Các đồng thừa kế đều thống nhất với mốc giới, ranh giới theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng, đồng thời các đồng thừa kế thống nhất lấy diện tích theo đo đạc thực tế trừ đi diện tích đất bị thu hồi để làm căn cứ chia thừa kế về quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế. Các hộ sử dụng đất liền kề đều xác định mốc giới và không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Như vậy, có căn cứ xác định di sản thừa kế còn lại của bà Nguyễn Thị X mà các đồng thừa kế của bà X yêu cầu được chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng có diện tích $769,4\text{m}^2$ ($888,3\text{m}^2 - 118,9\text{m}^2$), trong đó có $736,4\text{m}^2$ đất ở và 33m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tương ứng với mỗi kỹ phần thừa kế được nhận là $153,88\text{m}^2$ ($147,28\text{m}^2$ và $5,5\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác) và tài sản trên thửa đất này là 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng $60,2\text{m}^2$, kết cấu: Móng đá, tường xây gạch trát vữa sơn vôi, nền xi măng, mái lợp tôn và xà gồ gỗ) + công trình xây dựng trên đất + cây cối trên đất.

[5.2.2] Theo chứng thư thẩm định giá số 5230266/CT-BTCVALUETION ngày 15/8/2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC MT thì giá trị quyền sử dụng đất $769,4\text{m}^2$ được xác định như sau: $736,4\text{m}^2$ đất ở có giá trị 5.917.943.609 đồng, 33m^2 đất trồng cây hàng năm khác có giá trị 278.326.719 đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng $60,2\text{m}^2$, công trình xây dựng trên đất như sân xi măng, giếng bi có giá trị 47.307.500 đồng; giá trị cây trồng trên đất là 6.400.000 đồng. Tổng cộng giá trị là **6.249.977.328 đồng**. Như vậy, hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị X mỗi người được nhận kỹ phần thừa kế là: 1.249.995.465 đồng (6.249.977.328 đồng: 5), cụ thể: Bà Nguyễn Thị Liên H, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th là hàng thừa kế thứ nhất của bà X được nhận kỹ phần thừa kế mỗi người là 1.249.995.465 đồng; chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 cháu nội của bà X (hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Viết V) được nhận chung một kỹ phần thừa kế là 1.249.995.465 đồng.

[5.2.3] Trên diện tích đất tranh chấp có một ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng $60,2\text{m}^2$ gắn liền công trình xây dựng trên đất như sân xi măng, giếng nước và cây trồng trên đất của bà Nguyễn Thị X tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ số 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, sau khi bà X chết thì bà Th là người quản lý, sử dụng cho đến nay, các đồng thừa kế của bà X không có ai tranh chấp về việc người được ở trên ngôi nhà này. Tại phiên tòa, mặc dù bà Th có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật xử giao nhà cho ai trong số những người thừa kế của bà X ở cũng được miễn là bà được chia thừa kế của bà X để lại. Các đồng thừa kế của bà X đồng ý giao cho bà Th tiếp tục được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng $60,2\text{m}^2$ gắn liền công trình xây dựng trên đất như sân xi măng, giếng nước và cây trồng trên đất và 33m^2 đất trồng cây hàng năm khác, đồng thời yêu cầu bà Th thôi trả lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu này.

[5.2.4]. Sau khi giao cho hàng thừa kế của bà X là bà Th quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 gắn liền diện tích $194,9\text{m}^2$ (trong đó $161,9\text{m}^2$ đất ở; 33m^2 đất trồng cây hàng năm khác) thì diện tích đất ở còn lại là $574,5\text{m}^2$. Các đồng thừa kế của bà X là bà H, bà S,

bà M, chị Ph và chị Ph1 đều có nguyện vọng nhận đất để làm nhà ở, hơn nữa diện tích 574,5m² đất ở này nằm ở vị trí đủ điều kiện để chia thành 02 lô mặt tiền đường ĐH 5,5m và 02 lô mặt tiền đường bê tông 2,5m. Tại phiên toà, bà H, bà S, bà M, chị Ph và chị Ph1 thoả thuận với nhau về vị trí nhận đất thừa kế, cụ thể:

+ Bà H và bà S nhận đất mặt tiền đường ĐH2 5,5m, vị trí đất bà H nhận giáp nhà đất của bà Th được giao, vị trí đất bà S nhận giáp đất của bà H được giao;

+ Bà M và chị Ph và chị Ph1 nhận đất mặt tiền đường bê tông 2,5m, vị trí đất bà M nhận giáp nhà đất của bà Th, đất bà H, đất bà S được giao, vị trí đất chị Ph + chị Ph1 nhận giáp đất của bà M được giao.

Các đồng thừa kế đồng ý thôi trả giá trị chênh lệch cho nhau theo quy định.

Xét thấy, việc bà H, bà S, bà M, chị Ph và chị Ph1 thoả thuận với nhau về vị trí nhận đất thừa kế cũng như cũng nghĩa vụ thôi trả chênh lệch là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận này.

[5.2.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định:

1. Giao cho bà Nguyễn Thị Phước Th được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4, kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền xi men, diện tích xây dựng 60,2m² có trị giá 47.307.500 đồng + cây trồng trên đất có giá trị 6.400.000 đồng; đồng thời bà Th được quyền sử dụng diện tích đất theo nhà là 194,9m² (trong đó 161,9m² đất ở; 33m² đất trồng cây hằng năm khác) tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là 2.041.987.769 đồng (trong đó 161,9m² đất ở có giá trị 1.763.661.050 đồng; 33m² đất trồng cây hằng năm khác có giá trị 278.326.719 đồng). Tổng cộng giá trị bà Nguyễn Thị Phước Th được giao là **2.095.695.269** đồng.

Nhà đất có tứ cận: Đông giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Liên H; Tây giáp đường bê tông 2,5m; Nam giáp đường ĐH2; Bắc giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Liên H được quyền sử dụng diện tích đất là 121,5m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **1.228.226.342** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Minh S; Tây giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Phước Th; Nam giáp đường ĐH2; Bắc giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

3. Giao cho bà Nguyễn Thị Minh S được quyền sử dụng diện tích đất là 148,1m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **1.484.264.124** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp đất thừa 757; Tây giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Liên H; Nam giáp đường ĐH2; Bắc giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

4. Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M được quyền sử dụng diện tích đất là 151,9m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **760.239.297** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 757 và thửa 1017; Tây giáp đường bê tông 2,5m; Nam giáp đất giao cho bà Th, bà H, bà S; Bắc giáp đất giao cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1.

5. Giao cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 được quyền sử dụng diện tích đất là 153m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **681.512.796** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 757 và thửa 1017; Tây giáp đường bê tông 2,5m; Nam giáp đất giao cho bà M; Bắc giáp đường bê tông 2,5m.

(Có sơ đồ kèm theo)

[5.2.6] Về nghĩa vụ thối trả:

Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị X mỗi người được nhận kỹ phần thừa kế có giá trị là: 1.249.995.465 đồng. Tuy nhiên, bà Th và bà S được nhận kỹ phần thừa kế có giá trị lớn hơn giá trị kỹ phần thừa kế được chia nên bà Th và bà S phải có nghĩa vụ thối trả cho các đồng thừa kế còn lại của bà X, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Phước Th:
- Thối trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M là: 489.756.168 đồng;
- Thối trả cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 là 355.943.636 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Minh S:
- Thối trả cho bà Nguyễn Thị Liên H số tiền là 21.729.000 đồng;
- Thối trả cho chị Nguyễn Thị Như Ph1 và chị Nguyễn Thị Như Ph1 là 212.539.033 đồng.

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

[5.3] *Xét yêu cầu chia thừa kế số tiền hỗ trợ, bồi thường số 203.363.680 đồng của nguyên đơn thì thấy:*

Số tiền hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất (118.9m²) bị thu hồi của thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Quyết định về việc thu hồi đất số 2849/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H là 203.363.680 đồng. Theo nội dung Công văn số 280/BGPMB-BTTĐC ngày 26/4/2022 của Ban giải phóng mặt bằng huyện H thì số tiền bồi thường, hỗ trợ này, hiện nay hộ gia đình bà X chưa lập thủ tục để nhận tiền đền bù, hỗ trợ theo quy định. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ là có cơ sở nên chấp nhận. Như vậy, hàng thừa kế của bà X gồm bà Nguyễn Thị Liên H, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th và chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 (hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Viết V) được chia đều cho mỗi kỹ phần thừa kế, số tiền tương ứng mỗi kỹ phần thừa kế được nhận là 40.672.736 đồng (203.363.680 đồng: 5), cụ thể: Bà Nguyễn Thị Liên H, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th là hàng thừa kế thứ nhất của bà X được nhận kỹ phần thừa kế mỗi người là 40.672.736 đồng; chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1

cháu nội của bà X (hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Việt V) được nhận chung một kỹ phần thừa kế là 40.672.736 đồng.

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để nhận tiền hỗ trợ, bồi thường theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch bà Nguyễn Thị Liên H, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th mỗi người phải chịu là 50.720.046 đồng. Riêng bà Nguyễn Thị Liên H đã tạm ứng trước 12.013.000 đồng. Bà H còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 38.707.046 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch bà Nguyễn Thị Như Ph và bà Nguyễn Thị Như Ph1 mỗi người phải chịu là: 25.360.023 đồng (50.720.046 đồng : 2).

[7]. Về chi phí tố tụng gồm chi phí định giá tài sản hai lần là 52.000.000 đồng, chi phí xem xét tại chỗ và chi phí đo đạc 5.300.000 đồng, tổng cộng 57.300.000 đồng. Số tiền này, bà H đã tạm nộp trước (đã chi xong), các đồng thừa bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th, và chị Nguyễn Thị Như Ph + chị Nguyễn Thị Như Ph1 phải hoàn trả cho Nguyễn Thị Liên H số tiền là 11.460.000 đ (Mười một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

[8]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Xét thấy, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị X để lại đối với thửa đất tái định cư đường 5,5m tại khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 tọa lạc tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do chưa có đất trên thực tế.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Liên H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị X.

1/ Giao cho bà Nguyễn Thị Phước Th được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền xi men, diện tích xây dựng 60,2m² có giá trị 47.307.500 đồng + cây trồng trên đất có giá trị 6.400.000 đồng; đồng thời bà Th được quyền sử dụng diện tích đất theo nhà là 194,9m² (trong đó 161,9m² đất ở; 33m² đất trồng cây hàng năm khác), tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo

GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là 2.041.987.769 đồng (trong đó 161,9m² đất ở có giá trị 1.763.661.050 đồng; 33m² đất trồng cây hàng năm khác có giá trị 278.326.719 đồng). Tổng cộng giá trị bà Nguyễn Thị Phước Th được giao là **2.095.695.269** đồng.

Nhà đất có tứ cận: Đông giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Liên H; Tây giáp đường bê tông 2,5m; Nam giáp đường ĐH2; Bắc giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

2/ Giao cho bà Nguyễn Thị Liên H được quyền sử dụng diện tích đất là 121,5m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **1.228.226.342** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Minh S; Tây giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Phước Th; Nam giáp đường ĐH2; Bắc giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

3/ Giao cho bà Nguyễn Thị Minh S được quyền sử dụng diện tích đất là 148,1m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **1.484.264.124** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp đất thửa 757; Tây giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Liên H; Nam giáp đường ĐH2; Bắc giáp đất giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M.

4/ Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh M được quyền sử dụng diện tích đất là 151,9m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **760.239.297** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 757 và thửa 1017; Tây giáp đường bê tông 2,5m; Nam giáp đất giao cho bà Th, bà H, bà S; Bắc giáp đất giao cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1,

5/ Giao cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 được quyền sử dụng diện tích đất là 153m² đất ở tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 37 (tờ bản đồ 20 theo GCN), tọa lạc tại thôn Th, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có giá trị là **681.512.796** đồng.

Đất có tứ cận: Đông giáp thửa 757 và thửa 1017; Tây giáp đường bê tông 2,5m; Nam giáp đất giao cho bà M; Bắc giáp đường bê tông 2,5m.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Nghĩa vụ thôi trả:

+ Bà Nguyễn Thị Phước Th:

- Thôi trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M là: 489.756.168 đ (Bốn trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng);

- Thôi trả cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 là 355.943.636 đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Minh S:

- Thôi trả cho bà Nguyễn Thị Liên H số tiền là 21.729.000 đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng);

- Thời trả cho chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 là 212.539.033 đ (Hai trăm mười hai triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

* Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

4. Tiền hỗ trợ, bồi thường:

+ Bà Nguyễn Thị Liên H, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th mỗi người được nhận 40.672.736 đ (Bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng) tiền hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi.

+ Chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 được nhận 40.672.736 đ (Bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng) tiền hỗ trợ, bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi.

* Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để nhận tiền hỗ trợ, bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch bà Nguyễn Thị Liên H, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th mỗi người phải chịu là 50.720.046 đ (Năm mươi triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng). Bà Nguyễn Thị Liên H được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.013.000 đồng tại biên lai thu số 0004024 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà H còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 38.707.046 đ (Ba mươi tám triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 mỗi người phải chịu là: 25.360.023 đ (Hai mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, không trăm hai mươi ba đồng).

6. Về chi phí tố tụng gồm chi phí định giá tài sản hai lần là 52.000.000 đồng, chi phí xem xét tại chỗ và chi phí đo đạc 5.300.000 đồng, tổng cộng 57.300.000 đồng. Số tiền này, bà H đã nộp tạm ứng trước (đã chi xong).

- Bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Phước Th mỗi người phải hoàn trả cho Nguyễn Thị Liên H số tiền là 11.460.000 đ (Mười một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Như Ph và chị Nguyễn Thị Như Ph1 phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Liên H số tiền là 5.730.000 đ (Năm triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhậm:

- Đương sự;
- VKSND H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Thọ

